

Số: /2024/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng năm 2024

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định chi tiết một số điều, khoản, điểm và biện pháp thi hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; bãi bỏ Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về bố trí số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai; bãi bỏ Quyết định số 48/2004/QĐ-UB ngày 21 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về cán bộ, công chức cấp xã; bãi bỏ Quyết định số 06/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc bổ sung khoản 5, Điều 8 Quy định về cán bộ, công chức cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 48/2004/QĐ-UB ngày 21 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai (để đưa tin);
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Sở Nội vụ (03b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Hải Long

QUY ĐỊNH

Về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách
ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm:

1. Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

a) Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã và từng chức danh công chức cấp xã.

b) Ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã.

c) Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã.

d) Trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức cấp xã.

2. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Việc quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

TIÊU CHUẨN, NGÀNH ĐÀO TẠO, TUYỂN DỤNG, TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã

Ngoài tiêu chuẩn chung của cán bộ cấp xã được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; cán bộ cấp xã phải có đủ tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ như sau:

1. Tiêu chuẩn của Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Riêng đối với cấp xã (thuộc địa bàn: Miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) thiếu nguồn quy hoạch cán bộ thì người được bầu cử giữ chức vụ cán bộ cấp xã có thể có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng (trừ trường hợp Luật, Điều lệ của tổ chức có quy định khác). Trường hợp này, cấp huyện, cấp xã phải có kế hoạch đào tạo để chậm nhất đến ngày 01 tháng 01 năm 2030, cán bộ cấp xã phải đạt tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Tiêu chuẩn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã

Ngoài tiêu chuẩn chung của công chức cấp xã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, công chức cấp xã phải có đủ tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh như sau:

1. Tiêu chuẩn của công chức Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn của công chức Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Riêng đối với cấp xã (thuộc địa bàn: Miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) thì công chức cấp xã là người dân tộc Jrai (Gia Rai), BahNar (Ba Na) có thể có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng (trừ trường hợp Luật có quy định khác). Trường hợp này, cấp huyện, cấp xã phải có kế hoạch đào tạo để chậm nhất đến ngày 01 tháng 08 năm 2028, công chức cấp xã phải đạt tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 5. Ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Công chức Văn phòng - thống kê gồm các ngành: Kinh tế; Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế phát triển; Thống kê kinh tế; Kinh tế số; Quản lý kinh tế; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Lưu trữ học; Tài chính - Ngân hàng; Công nghệ tài chính; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật kinh tế; Thống kê; Kế toán; Kiểm toán; Công nghệ thông tin; Quản lý công nghệ thông tin; Quản lý hệ thống thông tin; Khoa học dữ liệu; Hệ thống thông tin kinh tế; Lưu trữ; Văn thư - Lưu trữ; Lưu trữ và quản lý thông tin; Văn thư hành chính; Hành chính văn phòng; Quản trị nhân sự; Pháp luật; Pháp luật về quản lý hành chính công; Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội; Quản trị cơ sở dữ liệu.

2. Công chức Tài chính - kế toán gồm các ngành: Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán; Kế toán hành chính sự nghiệp; Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội.

3. Công chức Tư pháp - hộ tịch gồm các ngành thuộc nhóm ngành Luật.

4. Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường gồm các ngành: Khoa học môi trường; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Trắc địa - Địa hình - Địa chính; Đo đạc địa chính; Quản lý thông tin tư liệu địa chính; Quản lý công trình đô thị.

5. Công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường gồm các ngành: Khoa học môi trường; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Kiến trúc; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Nông nghiệp; Khuyến nông; Chăn nuôi; Thú y; Nông học; Khoa học cây trồng; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Bảo vệ thực vật; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Trắc địa - Địa hình - Địa chính; Đo đạc địa chính; Quản lý thông tin tư liệu địa chính; Khuyến nông lâm; Chăn nuôi - Thú y; Nông nghiệp công nghệ cao; Trồng trọt; Trồng trọt và bảo vệ thực vật.

6. Công chức Văn hóa - xã hội gồm các ngành: Việt Nam học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Văn hóa học; Văn hóa dân gian; Quản lý văn hóa; Quản lý thể dục thể thao; Xã hội học; Công tác xã hội; Công tác thanh thiếu niên; Truyền thông đại chúng; Truyền thông đa phương tiện; Quản lý thông tin; Thông tin - Thư viện; Giáo dục và phát triển cộng đồng; Quản lý giáo dục; Du lịch; Tổ chức và Quản lý y tế; Quản lý y tế; Tôn giáo học; Bảo hiểm; Chính sách công; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật kinh tế; Thống kê; Quản lý lao động tiền lương và bảo trợ xã hội; Lao động - Xã hội; Thư viện; Thư viện - Thông tin; Bảo hiểm xã hội; Quản trị nhân sự; Pháp luật; Pháp luật về quản lý hành chính công.

7. Công chức Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự: Thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành về quân sự.

8. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thông kê ngành đào tạo của giáo dục đại học; Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

9. Ngành đào tạo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này là cơ sở để tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, đào tạo, chuẩn hóa, xếp lương khi thay đổi trình độ đào tạo và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Trong từng kỳ tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyết định lựa chọn một số ngành đào tạo tương ứng với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng quy định tại khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này tại từng xã, phường, thị trấn (không được trùng với ngành đào tạo của công chức hiện có mặt tại cùng 01 chức danh công chức).

10. Công chức hiện đang công tác (kể cả người tập sự) đã được xếp lương theo đúng quy định ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của ngành đào tạo không thuộc ngành đào tạo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này thì ngành đào tạo đã được xếp lương vẫn được tiếp tục công nhận là ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh đang đảm nhiệm (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

Điều 6. Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã

Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự, Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển và Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển (Chương I; Mục 1, Mục 2, Mục 3 Chương II; Chương III) ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý cán bộ, công chức cấp xã

1. Sở Nội vụ:

a) Trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm đ, điểm e, điểm k khoản 2 Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

b) Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm.

c) Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện việc thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã khi Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị.

2. Sở Tài chính chủ trì, thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm l khoản 2 Điều 32 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐỐI VỚI TỪNG CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Điều 8. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, khen thưởng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Khen thưởng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 9. Đánh giá, xếp loại chất lượng; xử lý kỷ luật người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi chung là chức danh bầu cử): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 và điểm a khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Chức danh Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 và điểm c khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 10, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17, khoản 18, khoản 19, khoản 20, khoản 21, khoản 22 Điều 2 Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND (sau đây gọi chung là chức danh giúp việc cho chính quyền cấp xã): Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

4. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 8, khoản 11, khoản 12 Điều 2 Nghị quyết số 73/2023/NQ-HĐND (sau đây gọi chung là chức danh giúp việc cho cấp ủy đảng cấp xã): Do Đảng ủy cấp xã đánh giá, xếp loại chất lượng; xử lý kỷ luật.

5. Nội dung, hình thức, quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng; xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Chức danh bầu cử: Áp dụng tương tự như đối với cán bộ cấp xã.

b) Chức danh Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự: Áp dụng tương tự như đối với công chức Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự.

c) Chức danh giúp việc cho chính quyền cấp xã, cấp ủy đảng cấp xã: Áp dụng tương tự như đối với công chức cấp xã.

Điều 10. Bầu cử, bổ nhiệm, tuyển chọn, cho hưởng phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Chức danh bầu cử: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Căn cứ quyết định chuẩn y, công nhận, chỉ định của cấp có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho hưởng phụ cấp theo quy định.

2. Chức danh Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự; chức danh Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn.

Căn cứ quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho hưởng phụ cấp theo quy định.

3. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tuyển chọn và quyết định cho hưởng phụ cấp theo quy định.

Điều 11. Lập và quản lý hồ sơ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Việc lập và quản lý hồ sơ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã áp dụng tương tự như đối với cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức; Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức.

Điều 12. Bãi nhiệm, miễn nhiệm, thôi giữ chức danh, thôi việc, nghỉ hưu, cho thôi hưởng phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Chức danh bầu cử: Thực hiện theo quy định của Điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên, quy định của pháp luật có liên quan và quy định của cấp có thẩm quyền quản lý.

Căn cứ quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm của cấp có thẩm quyền, quy định về thôi giữ chức danh của tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho thôi hưởng phụ cấp theo quy định.

2. Chức danh Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự; chức danh Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn thực hiện theo quyết định miễn nhiệm của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm.

Căn cứ quyết định miễn nhiệm của cấp có thẩm quyền, quy định về thôi giữ chức danh của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho thôi hưởng phụ cấp theo quy định.

3. Thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Dôi dư do sắp xếp tổ chức, sắp xếp đơn vị hành chính.
- b) Theo nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.
- c) Có 02 năm liên tiếp có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng không hoàn thành nhiệm vụ.
- d) Bị kỷ luật chưa đến mức buộc thôi việc nhưng không thể tiếp tục được giữ chức danh.
- đ) Bị kỷ luật hình thức buộc thôi việc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi việc đối với chức danh giúp việc cho chính quyền cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã, quyết định thôi việc đối với chức danh giúp việc cho cấp ủy đảng cấp xã. Quyết định thôi việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời là quyết định cho thôi hưởng phụ cấp theo quy định.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được nghỉ hưu theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho nghỉ hưu theo quy định.

Điều 13. Quản lý việc kiêm nhiệm chức danh

1. Người được sắp xếp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phải đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này. Nếu cuối năm đánh giá, xếp loại chất lượng không đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên của chức vụ, chức danh chính hoặc chức danh kiêm nhiệm thì không được tiếp tục kiêm nhiệm.

2. Mỗi cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã.

Không sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có nhiệm vụ tương đồng (trừ trường hợp Đảng, pháp luật có quy định khác).

3. Sắp xếp kiêm nhiệm và cho hưởng phụ cấp kiêm nhiệm:

a) Kiêm nhiệm chức danh bầu cử: Căn cứ quyết định chuẩn y, công nhận, chỉ định của cấp có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sắp xếp kiêm nhiệm và cho hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

b) Kiêm nhiệm chức danh Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự, Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn: Căn cứ quyết định bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sắp xếp kiêm nhiệm và cho hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

c) Kiêm nhiệm chức danh giúp việc cho chính quyền cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sắp xếp kiêm nhiệm và cho hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

d) Kiêm nhiệm chức danh giúp việc cho cấp ủy đảng cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sắp xếp kiêm nhiệm và cho hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định sau khi thống nhất với Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã.

4. Thôi sắp xếp kiêm nhiệm và cho thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm:

a) Thôi kiêm nhiệm chức danh bầu cử: Căn cứ quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm của cấp có thẩm quyền, quy định về thôi giữ chức danh của tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi sắp xếp kiêm nhiệm và cho thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

b) Thôi kiêm nhiệm chức danh Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự, Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn: Căn cứ quyết định miễn nhiệm của cấp có thẩm quyền, quy định về thôi giữ chức danh của pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi sắp xếp kiêm nhiệm và cho thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

c) Thôi kiêm nhiệm chức danh giúp việc cho chính quyền cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi sắp xếp kiêm nhiệm và cho thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

d) Thôi kiêm nhiệm chức danh giúp việc cho cấp ủy đảng cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi sắp xếp kiêm nhiệm và cho thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định sau khi thống nhất với Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã.

Điều 14. Trách nhiệm quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Sở Nội vụ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc lập kế hoạch xây dựng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; từng bước thực hiện chuẩn hóa để nâng cao chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn cấp huyện.

b) Tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn cấp huyện.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Căn cứ Quy định này, quy định của Điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên, quy định khác có liên quan để:

a) Lập kế hoạch xây dựng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Lập và quản lý hồ sơ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

c) Tổ chức thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các trường hợp đang kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này thì phải thôi kiêm nhiệm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, công chức đang học hoặc đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành đào tạo phù hợp với chức danh hiện đảm nhiệm (theo Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định chi tiết một số điều, khoản, điểm và biện pháp thi hành Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên

trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai) nhưng không thuộc ngành đào tạo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 5 Quy định này thì vẫn được công nhận là ngành đào tạo phù hợp và được thực hiện xếp lương trình độ đào tạo theo quy định.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới./.